TRƯỜNG THPT ĐỖ ĐĂNG TUYỂN **NGÀY SOẠN**: 22/09/2026

GV: **LÊ MINH HỘI** **LỚP DẠY**: 11/3

KẾ HOẠCH BÀI DẠY

HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM, HƯỚNG NGHIỆP 11

CHỦ ĐỀ 3. RÈN LUYỆN BẢN THÂN

(Số tiết: 18 — tuần 8 đến tuần 14; tiết 22 đến tiết 24 và tiết 26 đến tiết 40)

Tiết 25 dành cho Đánh giá giữa kì I theo phân phối chương trình, nằm xen giữa chủ đề.

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức – yêu cầu cần đạt

Sau chủ đề này, học sinh:

– Tuân thủ được kỉ luật và quy định của nhóm, của lớp, của tập thể trường và của cộng đồng; nêu được ít nhất ba biện pháp giúp bản thân tuân thủ tốt hơn.

– Thể hiện được sự nỗ lực hoàn thiện bản thân qua những hành động, việc làm cụ thể về đạo đức, lối sống, học tập và sức khoẻ.

– Xây dựng và bước đầu thực hiện được kế hoạch nỗ lực tự hoàn thiện bản thân đủ sáu cột theo mẫu ở sách giáo khoa trang 24.

– Thu hút và vận động được ít nhất một bạn cùng phấn đấu hoàn thiện bản thân bằng biện pháp phù hợp với hoàn cảnh của bạn ấy.

– Quản lí được cảm xúc của bản thân và ứng xử hợp lí trong các tình huống giao tiếp khác nhau, kể cả khi bị trêu chọc hoặc bị hiểu lầm.

– Thực hiện được kế hoạch tài chính cá nhân một cách hợp lí: nêu được cản trở, đề xuất được cách ghi chép thu chi và cách điều chỉnh khoản chi chưa hợp lí.

2. Năng lực

Năng lực trải nghiệm, hướng nghiệp: năng lực thích ứng với cuộc sống khi điều chỉnh cảm xúc và cách ứng xử cho hợp từng tình huống; năng lực thiết kế và tổ chức hoạt động khi lập kế hoạch tự hoàn thiện bản thân và kế hoạch tài chính cá nhân, theo dõi rồi tự điều chỉnh.

Năng lực chung: tự chủ và tự học khi tự soi lại việc tuân thủ kỉ luật và việc chi tiêu của chính mình; giao tiếp và hợp tác khi động viên bạn cùng phấn đấu; giải quyết vấn đề và sáng tạo khi xử lí năm tình huống rèn luyện tính kỉ luật và bốn tình huống quản lí cảm xúc.

Năng lực số và AI (theo Phụ lục 3)

6.2.NC1c – 6.2 Sử dụng trí tuệ nhân tạo — Sử dụng hiệu quả các hệ thống AI và hiểu rõ ứng dụng thực tế của chúng. Sử dụng được AI để tạo nội dung, khám phá kiến thức và giải quyết các vấn đề trong công việc và cuộc sống hàng ngày.. Cụ thể trong chủ đề này: HS nêu 3 tình huống nhờ AI làm hộ bài tập, tư vấn chi tiêu, đánh giá rủi ro đạo đức và pháp lí của mỗi tình huống, rồi thống nhất bộ nguyên tắc dùng AI trung thực của lớp.

11.B2 – B2. Sử dụng AI an toàn và có trách nhiệm — Phòng tránh rủi ro khi sử dụng AI. Cụ thể trong chủ đề này: HS nhận diện và phân loại rủi ro khi nhờ AI quản lí việc

học, chi tiêu (lệ thuộc, số liệu sai, lộ dữ liệu), đối chiếu với nội quy nhà trường để nêu cách dùng an toàn.

Minh chứng: phiếu ba tình huống đã ghi rủi ro đạo đức và rủi ro pháp lí; bảng ba nhóm rủi ro kèm cách dùng an toàn đối chiếu với nội quy; bộ nguyên tắc dùng trí tuệ nhân tạo trung thực của lớp dán ở góc lớp; kế hoạch nỗ lực tự hoàn thiện bản thân của mỗi học sinh.

3. Phẩm chất

Trách nhiệm: tự giác chấp hành kỉ luật của nhóm, của lớp và quy định của cộng đồng ngay cả khi không có ai nhắc nhở.

Trung thực: nhìn thẳng vào điểm yếu của mình khi tự soi và khi ghi chép thu chi; không nhờ máy làm hộ rồi nhận là của mình.

Chăm chỉ: kiên trì theo đuổi kế hoạch tự hoàn thiện đã đặt ra, không bỏ dở sau vài ngày.

Nhân ái: quan tâm, động viên bạn cùng tiến bộ thay vì chê bai khi bạn chưa làm được.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

Giáo viên: sách giáo khoa Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 11 (Kết nối tri thức với cuộc sống), trang 19–27 và sách giáo viên; tivi và một máy tính của lớp có nối Internet; giấy A3, giấy A4, bút màu, giấy nhớ; bản in nội quy nhà trường và bản in quy định của khu dân cư; bản in ba tình huống nhờ trí tuệ nhân tạo làm hộ việc, đã chuẩn bị từ trước; bản in năm tình huống rèn luyện tính kỉ luật ở trang 23–24 và bốn tình huống quản lí cảm xúc ở trang 25–26 cắt rời từng phiếu; phiếu học tập ở Phụ lục 1 in đủ cho mỗi học sinh một bản.

Học sinh: sách giáo khoa, vở, bút; sổ tay nhỏ để ghi thu chi trong hai tuần; giấy nhớ nhiều màu.

Phương án dự phòng: trường chỉ có một máy tính của giáo viên nên mọi thao tác trên máy đều do giáo viên làm và chiếu lên tivi cho cả lớp cùng nhìn; học sinh làm việc trên phiếu giấy và giấy A3. Khi mất điện hoặc mất mạng, giáo viên dùng các bản in đã chuẩn bị sẵn; toàn bộ nhiệm vụ của chủ đề vẫn tiến hành bình thường vì không nhiệm vụ nào bắt buộc phải có thiết bị.

An toàn: học sinh không phải nêu số tiền thật gia đình cho mình, chỉ dùng số giả định hoặc số đã làm tròn. Khi chia sẻ về việc mình chưa tuân thủ kỉ luật, các em chỉ nói về bản thân, không nêu tên bạn khác. Học sinh không đăng nhập tài khoản cá nhân, không nhập tên thật, số điện thoại, địa chỉ nhà hay ảnh của mình vào bất kì trang nào; không tự thử ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong giờ học. Phiếu tự soi của mỗi em không thu, không chấm điểm.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Mạch bài: giữ kỉ luật → nỗ lực hoàn thiện mình → rủ bạn cùng tiến → giữ được cảm xúc → giữ được đồng tiền → chốt lại bằng kế hoạch của chính em.

Tiết	Câu hỏi hoặc nội dung trung tâm	Sản phẩm nối tiếp	Thời gian
22	Em đã tuân thủ kỉ luật của nhóm, lớp, trường đến đâu?	Phiếu hai cột: quy định đã tuân thủ và quy định chưa thường xuyên	45 phút

Tiết	Câu hỏi hoặc nội dung trung tâm	Sản phẩm nối tiếp	Thời gian
23	Biện pháp nào giúp em giữ được kỉ luật lâu dài?	Thẻ ba nhóm biện pháp tuân thủ kỉ luật của nhóm	45 phút
24	Nỗ lực hoàn thiện bản thân trông như thế nào?	Bảng ba mảng: đạo đức lối sống, học tập, sức khoẻ	45 phút
26	Làm sao rủ được bạn cùng phấn đấu hoàn thiện?	Bốn cách thu hút bạn kèm tình huống dùng được	45 phút
27	Cảm xúc của em đang bị điều gì kéo đi?	Phiếu nhận diện cảm xúc và cách ứng xử đã dùng	45 phút
28	Có cách nào giữ được bình tĩnh ngay lúc nóng giận?	Bộ ba bước điều chỉnh cảm xúc của nhóm	45 phút
29	Kế hoạch tài chính cá nhân của em vướng ở đâu?	Danh sách cản trở và cách khắc phục tương ứng	45 phút
30	Ghi chép thu chi thế nào cho theo được?	Mẫu sổ thu chi cá nhân dùng trong hai tuần	45 phút
31	Nhờ máy làm hộ thì được gì và mất gì?	Phiếu ba tình huống ghi rủi ro đạo đức và rủi ro pháp lí	45 phút
32	Rủi ro khi nhờ máy quản lí việc học, việc tiêu tiền gồm mấy nhóm?	Bảng ba nhóm rủi ro và bộ nguyên tắc dùng máy trung thực của lớp	45 phút
33	Giữ kỉ luật khi bị bạn rủ đi chệch thì làm thế nào?	Cách xử lí tình huống 1 và tình huống 2 trang 23	45 phút
34	Giữ kỉ luật khi không ai nhìn thấy thì làm thế nào?	Cách xử lí tình huống 3, 4 và 5 trang 24	45 phút
35	Kế hoạch tự hoàn thiện của em gồm những cột nào?	Bảng kế hoạch nỗ lực tự hoàn thiện bản thân, đủ sáu cột	45 phút
36	Kế hoạch của em đã đủ chắc để chạy chưa?	Kế hoạch đã chỉnh sau khi bạn góp ý	45 phút
37	Bạn em đang mắc ở đâu và em giúp được gì?	Ba phương án thu hút cho ba trường hợp trang 25	45 phút
38	Bị trêu chọc, bị hiểu lầm thì ứng xử ra sao?	Cách quản lí cảm xúc cho bốn tình huống trang 25–26	45 phút
39	Em sẽ tiêu tiền khác đi như thế nào?	Sổ thu chi hai tuần và ba khoản chi sẽ cắt bớt	45 phút
40	Ba tháng tới em rèn luyện điều gì?	Cam kết rèn luyện và phiếu tự đánh giá sáu tiêu chí	45 phút

TIẾT 22. KHỞI ĐỘNG CHỦ ĐỀ VÀ TỰ SOI VIỆC TUÂN THỦ KỈ LUẬT

Hoạt động 1. Mở đầu – Điều gì khiến em bỏ dở nửa chừng (8′)

a) Mục tiêu: Khơi lên nhu cầu rèn luyện bản thân và làm xuất hiện câu hỏi chính của chủ đề: vì sao biết là đúng mà vẫn không làm được đến cùng.

b) Nội dung: Giáo viên nêu ba việc quen thuộc mà học sinh lớp 11 thường định làm rồi bỏ dở: dậy sớm học bài, tập thể dục đều đặn và để dành tiền mua một món đồ. Học sinh trả lời ba câu hỏi mở đầu ở mục A của Phụ lục 1.

c) Sản phẩm: Ba câu trả lời ngắn của mỗi học sinh ở mục A Phụ lục 1; danh sách lí do khiến các em bỏ dở được gom lên bảng lớp.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (1′): Giáo viên nêu ba việc quen thuộc, phát Phụ lục 1 và yêu cầu mỗi em trả lời ba câu hỏi ở mục A trong ba phút, viết thật ngắn.

2. Thực hiện nhiệm vụ (3′): Học sinh tự viết câu trả lời. Giáo viên đi một vòng, nhắc em nào mới chỉ ghi một chữ thì viết thêm cho rõ việc đã bỏ dở là việc gì.

3. Báo cáo, thảo luận (3′): Bốn đến năm học sinh đọc câu trả lời. Giáo viên gom lí do lên bảng thành hai cột: lí do do hoàn cảnh bên ngoài và lí do do chính mình.

4. Kết luận, nhận định (1′): GV chốt: Cột lí do do chính mình mới là chỗ chủ đề này nhắm tới. Mười tám tiết tới lớp sẽ đi lần lượt bốn việc: giữ kỉ luật, tự hoàn thiện, giữ cảm xúc và giữ đồng tiền.

Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới và giải quyết vấn đề

a) Mục tiêu: Đi hết mười một hoạt động của chủ đề trong sách giáo khoa từ trang 21 đến trang 27, bám tám định hướng nội dung ghi ở trang 20.

b) Nội dung: Hai mươi hai nhiệm vụ nối tiếp nhau, trải từ tiết 22 đến tiết 39, theo mạch: kỉ luật, nỗ lực hoàn thiện, thu hút bạn, quản lí cảm xúc và kế hoạch tài chính cá nhân.

c) Sản phẩm: Chuỗi sản phẩm ghi ở cột thứ ba của bảng mạch tiết phía trên; toàn bộ được lưu vào Phụ lục 1 của từng học sinh và giấy A3 của nhóm.

d) Tổ chức thực hiện

Nhiệm vụ 2.1. Tự soi việc tuân thủ kỉ luật, quy định chung (37′)

a) Mục tiêu: Chỉ ra được những quy định của tổ, lớp, chi đoàn, trường và cộng đồng mà bản thân đã tuân thủ và những quy định còn chưa thực hiện thường xuyên.

b) Nội dung: Theo yêu cầu thứ nhất của hoạt động 1 ở sách giáo khoa trang 21, mỗi học sinh liệt kê vào hai cột: cột quy định đã tuân thủ và cột quy định chưa thường xuyên thực hiện; với mỗi quy định ở cột thứ hai thì ghi thêm khó khăn đã gặp và cách mình đã xoay xở.

c) Sản phẩm: Phiếu hai cột của mỗi học sinh, cột thứ nhất có ít nhất ba quy định, cột thứ hai có ít nhất hai quy định kèm khó khăn và cách khắc phục đã thử.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (4′): Giáo viên phát bản in nội quy nhà trường và bản in quy định của khu dân cư, nêu quy ước của giờ học: chỉ nói về việc của mình, không nêu tên bạn, phiếu này không chấm điểm.

2. Thực hiện nhiệm vụ (18′): Học sinh làm phiếu cá nhân rồi trao đổi theo cặp để bổ sung. Giáo viên đi từng bàn, hỏi em nào ghi chung chung như còn hay quên: quên vào lúc nào trong ngày và quên mấy lần trong tuần vừa rồi.

3. Báo cáo, thảo luận (10′): Sáu học sinh đọc phiếu, mỗi em nêu một quy định chưa thường xuyên thực hiện và khó khăn đã gặp. Lớp đếm xem khó khăn nào lặp lại ở nhiều bạn nhất.

4. Kết luận, nhận định (5′): GV chốt: Khó khăn lặp lại ở nhiều bạn thường không phải là chuyện riêng của ai mà là chỗ lớp phải cùng gỡ. Gọi được tên khó khăn rồi thì tiết sau mới bàn được biện pháp.

TIẾT 23. BIỆN PHÁP TUÂN THỦ KỈ LUẬT, QUY ĐỊNH CHUNG

Kết nối hai tiết (3′): Tiết trước lớp đã gọi tên được những quy định mình còn chưa giữ được đều và những khó khăn hay gặp. Tiết này đi tìm biện pháp để lần sau không lặp lại đúng khó khăn ấy.

Nhiệm vụ 2.2. Ba nhóm biện pháp tuân thủ kỉ luật (20′)

a) Mục tiêu: Nêu được các biện pháp giúp bản thân tuân thủ kỉ luật, quy định của nhóm, lớp, tập thể trường và cộng đồng.

b) Nội dung: Từ ba gợi ý ở sách giáo khoa trang 21 là nhận thức được việc tuân thủ kỉ luật là tốt cho bản thân, cho tập thể và cho cộng đồng; tạo thói quen tuân thủ; nghiêm túc trong việc thực hiện, mỗi nhóm bổ sung thêm ít nhất hai biện pháp do nhóm nghĩ ra.

c) Sản phẩm: Thẻ ba nhóm biện pháp của nhóm trên giấy A3, mỗi nhóm biện pháp có ít nhất hai việc làm cụ thể nói rõ làm lúc nào.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (2′): Giáo viên chia lớp thành sáu nhóm, phát giấy A3 và bút màu, ghi ba nhóm biện pháp gợi ý lên bảng làm khung.

2. Thực hiện nhiệm vụ (10′): Các nhóm chép ba gợi ý rồi viết việc làm cụ thể cho từng nhóm biện pháp. Giáo viên hỏi nhóm nào viết chung chung: việc này làm vào lúc nào trong ngày và ai nhắc em.

3. Báo cáo, thảo luận (5′): Ba nhóm treo thẻ và trình bày, mỗi nhóm khoảng một phút rưỡi. Ba nhóm còn lại chỉ ra biện pháp nào chưa nói rõ thời điểm.

4. Kết luận, nhận định (3′): GV chốt: Biện pháp chỉ có tác dụng khi nó gắn với một mốc thời gian trong ngày. Nói sẽ cố gắng hơn thì tuần sau vẫn hệt tuần này.

Nhiệm vụ 2.3. Ghép biện pháp với khó khăn của chính em (22′)

a) Mục tiêu: Chọn được biện pháp phù hợp với đúng khó khăn mà bản thân đã gọi tên ở tiết trước và cam kết thực hiện trong hai tuần.

b) Nội dung: Mỗi học sinh lấy lại phiếu hai cột ở tiết 22, chọn hai quy định mình còn chưa giữ được đều, rồi ghép mỗi quy định với một biện pháp trong ba nhóm biện pháp vừa lập.

c) Sản phẩm: Thẻ cam kết cá nhân gồm hai dòng, mỗi dòng ghi quy định, biện pháp đã chọn, thời điểm thực hiện và dấu hiệu để tự kiểm; thẻ được dán vào góc lớp.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (3′): Giáo viên phát thẻ giấy nhỏ, làm mẫu một dòng trên bảng với quy định đi học đúng giờ, đi đủ bốn ô: quy định, biện pháp, thời điểm, dấu hiệu tự kiểm.

2. Thực hiện nhiệm vụ (10′): Học sinh viết thẻ. Giáo viên đi một vòng, tập trung vào em nào ghi dấu hiệu tự kiểm còn mơ hồ, gợi bằng câu hỏi: cuối tuần em nhìn vào đâu để biết mình đã làm được.

3. Báo cáo, thảo luận (6′): Sáu học sinh đọc thẻ. Lớp góp ý cho từng thẻ theo một câu hỏi duy nhất: biện pháp này có trị đúng khó khăn bạn ấy vừa nêu không. Sau đó cả lớp dán thẻ lên góc lớp.

4. Kết luận, nhận định (3′): GV chốt: Biện pháp phải bám vào đúng khó khăn của mình, không mượn biện pháp của bạn. Thẻ cam kết này sẽ được lấy ra đối chiếu ở tiết 40.

TIẾT 24. BIỂU HIỆN CỦA SỰ NỖ LỰC HOÀN THIỆN BẢN THÂN

Kết nối hai tiết (3′): Giữ được kỉ luật mới là giữ đúng khuôn khổ chung. Từ tiết này lớp bước sang việc khó hơn: tự mình muốn tốt lên và kiên trì với điều đó.

Nhiệm vụ 2.4. Chia sẻ những nỗ lực hoàn thiện của chính em (20′)

a) Mục tiêu: Kể được những việc bản thân đã làm để phát huy điểm mạnh và khắc phục điểm yếu về đạo đức, lối sống, học tập và sức khoẻ.

b) Nội dung: Theo yêu cầu thứ nhất của hoạt động 2 ở sách giáo khoa trang 21, mỗi học sinh viết ba việc mình đã làm để tự hoàn thiện, kèm một câu về sự cố gắng và kiên trì trong quá trình đó, chẳng hạn đã làm được bao lâu và đã có lần nào định bỏ chưa.

c) Sản phẩm: Phiếu ba việc nỗ lực của mỗi học sinh, mỗi việc có ghi thời gian đã duy trì và một khó khăn đã vượt qua.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (2′): Giáo viên nêu bốn mảng của việc tự hoàn thiện theo sách giáo khoa là đạo đức, lối sống, học tập và sức khoẻ; nhấn mạnh việc nhỏ cũng được, miễn là việc thật.

2. Thực hiện nhiệm vụ (10′): Học sinh viết phiếu cá nhân rồi kể cho bạn cùng bàn nghe. Giáo viên gợi ý em nào chưa nghĩ ra bằng câu hỏi: ba tháng trước em còn chưa làm được gì mà bây giờ đã làm được.

3. Báo cáo, thảo luận (5′): Bốn học sinh chia sẻ trước lớp, mỗi em một việc thuộc một mảng khác nhau. Lớp lắng nghe và ghi lại một việc mình cũng muốn thử.

4. Kết luận, nhận định (3′): GV chốt: Nỗ lực hoàn thiện không phải là thay đổi lớn trong một ngày mà là một việc nhỏ được giữ đủ lâu. Điều đáng kể là các em đã vượt qua lần định bỏ đầu tiên.

Nhiệm vụ 2.5. Xác định hành động biểu hiện sự nỗ lực tự hoàn thiện (22′)

a) Mục tiêu: Xác định được những hành động, việc làm biểu hiện sự cố gắng và kiên trì hoàn thiện về đạo đức lối sống, về học tập và về sức khoẻ.

b) Nội dung: Theo yêu cầu thứ hai của hoạt động 2 ở sách giáo khoa trang 21, các nhóm lập bảng ba mảng; với mỗi mảng nêu ít nhất ba hành động cụ thể và chỉ ra hành động ấy khác gì với một lời hứa suông.

c) Sản phẩm: Bảng ba mảng của nhóm trên giấy A3, mỗi mảng có ít nhất ba hành động cụ thể, mỗi hành động kèm một dấu hiệu cho thấy người khác nhìn vào là biết đã làm.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (3′): Giáo viên kẻ bảng ba cột lên bảng lớp theo ba mảng của sách giáo khoa và giao mỗi nhóm một mảng làm trọng tâm, hai mảng còn lại điền ít hơn.

2. Thực hiện nhiệm vụ (10′): Các nhóm điền bảng. Giáo viên đi từng nhóm, gạch chân những dòng còn là lời hứa suông và yêu cầu đổi thành hành động nhìn thấy được.

3. Báo cáo, thảo luận (6′): Ba nhóm trình bày ba mảng khác nhau, lớp bổ sung chéo. Giáo viên gom thành bảng chung của lớp trên bảng.

4. Kết luận, nhận định (3′): GV chốt: Cùng một mong muốn nhưng hành động thì đếm được còn lời hứa thì không. Bảng chung này sẽ là kho ý tưởng khi các em lập kế hoạch tự hoàn thiện ở tiết 35.

TIẾT 26. CÁCH THU HÚT CÁC BẠN CÙNG PHẤN ĐẤU HOÀN THIỆN

Kết nối hai tiết (3′): Tiết 24 lớp đã dựng được bảng hành động tự hoàn thiện; sau đó là tiết đánh giá giữa kì I. Trở lại chủ đề, tiết này mở rộng từ chính mình sang bạn bè: một mình cố thì dễ nản, có bạn cùng làm thì đi được xa hơn.

Nhiệm vụ 2.6. Chia sẻ cách em đã rủ bạn cùng phấn đấu (20′)

a) Mục tiêu: Kể được cách bản thân đã thu hút, động viên bạn cùng phấn đấu hoàn thiện về đạo đức lối sống, về học tập và về sức khoẻ.

b) Nội dung: Theo yêu cầu thứ nhất của hoạt động 3 ở sách giáo khoa trang 22, học sinh kể lại một lần mình đã rủ được hoặc chưa rủ được bạn cùng làm một việc tốt, ví dụ như động viên bạn tham gia diễn đàn về rèn luyện đạo đức lối sống, khích lệ bạn cố gắng trong học tập hoặc lôi cuốn bạn tập thể thao hằng ngày.

c) Sản phẩm: Phiếu kể chuyện ngắn của mỗi học sinh gồm ba phần: em đã nói gì, bạn phản ứng ra sao, kết quả cuối cùng thế nào.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (2′): Giáo viên nêu ba mảng gợi ý của sách giáo khoa và quy ước không nêu tên bạn thật, chỉ gọi là một bạn trong lớp.

2. Thực hiện nhiệm vụ (10′): Học sinh viết phiếu rồi kể theo nhóm bốn người. Giáo viên nhắc kể cả lần rủ không thành, vì lần thất bại mới cho thấy điều gì chưa ổn.

3. Báo cáo, thảo luận (5′): Mỗi nhóm cử một câu chuyện lên kể, ưu tiên chuyện rủ chưa thành. Lớp đoán xem chỗ nào khiến bạn kia không nghe.

4. Kết luận, nhận định (3′): GV chốt: Lời rủ hay hỏng ở chỗ nói bạn phải làm gì mà không nói vì sao việc đó có lợi cho chính bạn ấy. Tiết sau lớp sẽ tìm cách nói khác đi.

Nhiệm vụ 2.7. Bốn cách thu hút bạn cùng phấn đấu hoàn thiện (22′)

a) Mục tiêu: Xác định được một số cách thu hút các bạn cùng phấn đấu hoàn thiện bản thân và chỉ ra được cách nào hợp với kiểu bạn nào.

b) Nội dung: Từ bốn cách gợi ý ở sách giáo khoa trang 22 gồm chủ động gần gũi tâm sự, khích lệ động viên bạn phát huy khả năng, giúp bạn xác định mục tiêu và xây dựng kế hoạch tự hoàn thiện, khuyên bạn suy nghĩ tích cực và thay đổi vì tương lai của chính bạn, các nhóm ghép mỗi cách với một kiểu bạn thường gặp trong lớp.

c) Sản phẩm: Bảng ghép của nhóm gồm bốn cách, mỗi cách đặt cạnh một kiểu bạn phù hợp và một câu mở lời cụ thể để dùng với kiểu bạn ấy.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (3′): Giáo viên viết bốn cách lên bảng và giao nhiệm vụ ghép mỗi cách với một kiểu bạn, kèm một câu mở lời viết ra thành lời thoại.

2. Thực hiện nhiệm vụ (10′): Các nhóm thảo luận và viết bảng ghép. Giáo viên gợi ý các kiểu bạn thường gặp là bạn tự ti không dám thử, bạn ham chơi bỏ dở việc học, bạn thấy mình chẳng cần thay đổi và bạn muốn thay đổi nhưng không biết bắt đầu từ đâu.

3. Báo cáo, thảo luận (6′): Ba nhóm đọc bảng ghép và đọc luôn câu mở lời. Lớp nhận xét câu nào nghe như dạy đời và đề nghị sửa lại.

4. Kết luận, nhận định (3′): GV chốt: Không có một cách rủ đúng cho mọi người. Muốn rủ được thì phải biết bạn đang mắc ở đâu, rồi mới chọn cách mở lời.

TIẾT 27. NHẬN DIỆN CẢM XÚC VÀ CÁCH ỨNG XỬ ĐÃ DÙNG

Kết nối hai tiết (3′): Rủ được bạn cùng tiến rồi thì việc còn lại phần lớn nằm ở chính mình. Mà chuyện hay làm hỏng mọi kế hoạch nhất lại là cảm xúc lúc nóng giận.

Nhiệm vụ 2.8. Gọi tên cảm xúc của em trong các tình huống giao tiếp (42′)

a) Mục tiêu: Nhận diện và gọi đúng tên những cảm xúc tích cực và tiêu cực của bản thân trong các tình huống giao tiếp khác nhau; mô tả được cách mình đã ứng xử khi có cảm xúc đó.

b) Nội dung: Theo yêu cầu thứ nhất của hoạt động 4 ở sách giáo khoa trang 22, mỗi học sinh nhớ lại hai tình huống gần đây, một tình huống mình có cảm xúc tích cực và một tình huống có cảm xúc tiêu cực; với mỗi tình huống ghi rõ điều gì xảy ra, mình cảm thấy thế nào và mình đã làm gì ngay sau đó.

c) Sản phẩm: Phiếu hai tình huống của mỗi học sinh, mỗi tình huống đủ ba phần là sự việc, cảm xúc và cách ứng xử; kèm một dòng tự nhận xét cách ứng xử ấy đã hợp lí chưa.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (5′): Giáo viên nêu quy ước bảo mật của giờ học: phiếu không thu, không đọc tên, ai chia sẻ là tự nguyện; sau đó viết lên bảng bảng từ gợi ý gọi tên cảm xúc gồm vui, tự hào, biết ơn, lo, tủi thân, bực bội, tức giận, thất vọng.

2. Thực hiện nhiệm vụ (18′): Học sinh viết phiếu cá nhân. Giáo viên đi một vòng, giúp các em còn viết chung chung là em thấy khó chịu bằng cách hỏi lại: khó chịu ấy gần với lo hơn hay gần với tức giận hơn, và lúc đó em đã nói câu gì.

3. Báo cáo, thảo luận (14′): Bốn đến năm học sinh tự nguyện chia sẻ, ưu tiên tình huống tiêu cực. Lớp không bình luận về người, chỉ nêu mình có gặp tình huống giống thế không và khi đó mình làm gì. Giáo viên gom lên bảng ba cách ứng xử mà lớp hay dùng nhất.

4. Kết luận, nhận định (5′): GV chốt: Gọi đúng tên cảm xúc đã là một nửa việc quản lí cảm xúc, vì lúc gọi tên được thì cơn nóng đã dịu bớt. Ba cách ứng xử lớp hay dùng sẽ được đem ra kiểm lại ở tiết sau.

TIẾT 28. CÁCH QUẢN LÍ CẢM XÚC VÀ ỨNG XỬ HỢP LÍ

Kết nối hai tiết (3′): Tiết trước lớp đã gọi được tên cảm xúc của mình và ba cách ứng xử quen dùng. Tiết này kiểm lại ba cách ấy và bổ sung những cách mà sách giáo khoa gợi ý.

Nhiệm vụ 2.9. Ba bước điều chỉnh cảm xúc của bản thân (20′)

a) Mục tiêu: Nêu được cách điều chỉnh cảm xúc của bản thân khi cảm xúc tiêu cực vừa xuất hiện.

b) Nội dung: Từ ba gợi ý ở sách giáo khoa trang 22 là hít thở sâu, thả lỏng cơ thể và đặt mình vào vị trí của người khác để hiểu, các nhóm sắp ba việc ấy thành một quy trình ba bước theo thứ tự thời gian và bổ sung thêm một bước của riêng nhóm.

c) Sản phẩm: Bộ ba bước điều chỉnh cảm xúc của nhóm viết trên giấy A3, mỗi bước ghi rõ làm trong bao lâu và làm ở đâu; kèm một bước bổ sung do nhóm nghĩ ra.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (2′): Giáo viên nêu ba gợi ý của sách giáo khoa và giao nhiệm vụ sắp thành quy trình theo thứ tự thời gian, không phải liệt kê rời rạc.

2. Thực hiện nhiệm vụ (10′): Các nhóm thảo luận và viết quy trình. Giáo viên hỏi từng nhóm: bước này làm ngay lúc đang tức hay làm sau khi đã ra khỏi chỗ đó, và làm trong bao nhiêu giây.

3. Báo cáo, thảo luận (5′): Ba nhóm trình bày quy trình. Lớp so sánh và chọn ra quy trình thấy dễ nhớ nhất để cả lớp cùng thử trong tuần.

4. Kết luận, nhận định (3′): GV chốt: Việc phải làm trước tiên là hạ nhiệt cho cơ thể, sau đó mới nghĩ lại được cho người kia. Đảo ngược thứ tự thì thường không kịp.

Nhiệm vụ 2.10. Thể hiện cảm xúc và ứng xử phù hợp với từng người (22′)

a) Mục tiêu: Nêu được cách thể hiện cảm xúc và cách ứng xử phù hợp trong các tình huống giao tiếp với những đối tượng khác nhau.

b) Nội dung: Từ ba gợi ý ở sách giáo khoa trang 22 là nói về cảm xúc bản thân với thái độ bình tĩnh và chân thành, không để cảm xúc tiêu cực ảnh hưởng đến cách ứng xử, thiện chí và tuân thủ chuẩn mực ứng xử với từng đối tượng, các nhóm viết ba câu nói mẫu cho ba đối tượng là người lớn trong gia đình, thầy cô và bạn cùng lứa.

c) Sản phẩm: Ba câu nói mẫu của nhóm cho ba đối tượng, mỗi câu nêu được cảm xúc của mình mà không quy lỗi cho người kia; kèm một câu nói hỏng để đối chiếu.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (3′): Giáo viên làm mẫu một cặp câu trên bảng: câu quy lỗi bắt đầu bằng chữ tại và câu nói cảm xúc bắt đầu bằng chữ con thấy, để lớp nghe rõ khác biệt.

2. Thực hiện nhiệm vụ (10′): Các nhóm viết ba câu mẫu và một câu hỏng. Giáo viên nhắc câu nói với người lớn trong gia đình phải giữ đúng lễ phép, không được mượn giọng của câu nói với bạn.

3. Báo cáo, thảo luận (6′): Ba nhóm đọc to cặp câu của mình, một bạn đọc câu hỏng và một bạn đọc câu đã sửa. Lớp chỉ ra chữ nào làm cho câu hỏng trở nên khó nghe.

4. Kết luận, nhận định (3′): GV chốt: Nói được cảm xúc của mình mà không quy lỗi cho người kia là cách giữ được cả việc lẫn quan hệ. Cùng một ý nhưng đổi cách mở lời thì kết quả khác hẳn.

TIẾT 29. NHỮNG CẢN TRỞ TRONG KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH CÁ NHÂN

Kết nối hai tiết (3′): Giữ được kỉ luật và giữ được cảm xúc rồi, còn một thứ nữa cũng rất khó giữ là đồng tiền trong túi. Bốn tiết tới lớp làm việc với kế hoạch tài chính cá nhân.

Nhiệm vụ 2.11. Chia sẻ thuận lợi và khó khăn khi thực hiện kế hoạch tài chính (20′)

a) Mục tiêu: Nêu được những thuận lợi và khó khăn khi thực hiện các dự kiến chi tiêu và những điều chỉnh bản thân đã phải làm để đạt mục tiêu đã đặt ra.

b) Nội dung: Theo yêu cầu thứ nhất của hoạt động 5 ở sách giáo khoa trang 23, học sinh kể lại một lần mình định để dành tiền cho một việc, nêu điều gì thuận lợi, điều gì cản trở và mình đã điều chỉnh ra sao. Mọi con số đều dùng số giả định hoặc đã làm tròn.

c) Sản phẩm: Phiếu ba phần của mỗi học sinh: mục tiêu đã đặt, thuận lợi và khó khăn gặp phải, điều chỉnh đã thực hiện; con số ghi ở dạng làm tròn.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (2′): Giáo viên nêu quy ước quan trọng của phần tài chính: không ai phải nói số tiền thật gia đình cho mình, chỉ dùng số giả định hoặc số đã làm tròn.

2. Thực hiện nhiệm vụ (10′): Học sinh viết phiếu cá nhân rồi kể theo cặp. Giáo viên gợi ý em nào chưa từng đặt mục tiêu tài chính thì kể về một lần định mua món gì đó mà cuối cùng không mua được.

3. Báo cáo, thảo luận (5′): Bốn học sinh chia sẻ. Lớp ghi lên bảng những cản trở nghe được và đếm cản trở nào lặp lại nhiều nhất.

4. Kết luận, nhận định (3′): GV chốt: Cản trở hay gặp nhất không phải là thiếu tiền mà là tiêu mất lúc nào không biết. Muốn biết thì phải ghi lại, và đó là việc của nhiệm vụ sau.

Nhiệm vụ 2.12. Xác định cản trở và cách khắc phục (22′)

a) Mục tiêu: Xác định được những cản trở trong việc thực hiện mục tiêu kế hoạch tài chính của bản thân và đề xuất được cách khắc phục tương ứng với từng cản trở.

b) Nội dung: Theo yêu cầu thứ nhất của hoạt động 10 ở sách giáo khoa trang 26, học sinh liệt kê cản trở của chính mình, ví dụ thói quen không kiểm soát chi tiêu hoặc không có nguồn thu; sau đó ghép mỗi cản trở với một cách khắc phục lấy từ các gợi ý ở cùng trang.

c) Sản phẩm: Phiếu hai cột của mỗi học sinh gồm ít nhất ba cản trở và ba cách khắc phục tương ứng; một cản trở được khoanh tròn là cản trở lớn nhất phải xử lí trước.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (3′): Giáo viên kẻ hai cột lên bảng, đọc các gợi ý khắc phục ở sách giáo khoa trang 26 gồm theo dõi thu chi thường xuyên, ghi chép mỗi ngày rồi rà soát lại, chỉ chi khoản cần thiết và dùng chung với anh chị em, không bị cuốn theo chương trình khuyến mãi, tìm cách tăng thu nhập như làm thêm hoặc thanh lí đồ cũ.

2. Thực hiện nhiệm vụ (10′): Học sinh làm phiếu cá nhân. Giáo viên đi một vòng, hỏi em nào ghép sai: cách này có trị đúng cản trở em vừa nêu không, hay chỉ là một việc tốt chung chung.

3. Báo cáo, thảo luận (6′): Sáu học sinh đọc một cặp cản trở và cách khắc phục của mình. Lớp kiểm chéo bằng câu hỏi: nếu làm đúng cách này thì cản trở kia có mất đi không.

4. Kết luận, nhận định (3′): GV chốt: Cản trở lớn nhất của phần lớn học sinh là không nhìn thấy tiền mình đã đi đâu. Cách khắc phục rẻ nhất và hiệu quả nhất chỉ là một quyển sổ nhỏ.

TIẾT 30. CÁCH GHI CHÉP VÀ ĐIỀU CHỈNH KHOẢN THU, KHOẢN CHI

Kết nối hai tiết (3′): Tiết trước lớp đã kết luận rằng phải nhìn thấy tiền mình đã đi đâu. Tiết này dựng cho được quyển sổ để nhìn, và tập điều chỉnh những khoản không thiết yếu.

Nhiệm vụ 2.13. Dựng mẫu sổ thu chi cá nhân và tập điều chỉnh khoản chi (42′)

a) Mục tiêu: Nêu được cách thực hiện kế hoạch tài chính cá nhân hợp lí: tuân thủ mức chi đã đề ra, ghi chép các khoản thu và chi, điều chỉnh những khoản chi không thiết yếu hoặc tạo thêm khoản thu.

b) Nội dung: Từ bốn gợi ý ở sách giáo khoa trang 23 gồm tuân thủ mức chi tiêu đã đề ra với bốn nội dung là số tiền hiện có, số tiền cần tiết kiệm, số tiền cần chi tiêu và cách cải thiện chi tiêu; ghi chép các khoản thu và chi; điều chỉnh khoản chi không thiết yếu hoặc tạo khoản thu nhập khác, mỗi nhóm dựng một mẫu sổ thu chi rồi cả lớp chốt một mẫu chung để dùng trong hai tuần. Sau đó học sinh tập phân loại mười khoản chi giả định do giáo viên phát thành thiết yếu và không thiết yếu.

c) Sản phẩm: Mẫu sổ thu chi cá nhân của lớp có đủ các cột ngày, nội dung, thu, chi và còn lại; phiếu phân loại mười khoản chi giả định của mỗi học sinh, trong đó khoanh tròn ba khoản sẽ cắt bớt.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (6′): Giáo viên chiếu bốn gợi ý ở sách giáo khoa trang 23 lên tivi, nêu bốn nội dung phải tuân thủ, sau đó phát cho mỗi học sinh phiếu mười khoản chi giả định và giấy A3 cho các nhóm để dựng mẫu sổ.

2. Thực hiện nhiệm vụ (18′): Các nhóm dựng mẫu sổ thu chi rồi mỗi học sinh tự phân loại mười khoản chi giả định. Giáo viên đi từng nhóm, hỏi mẫu sổ đã có chỗ ghi số còn lại chưa, vì thiếu cột ấy thì ghi cả tuần cũng không biết mình còn bao nhiêu.

3. Báo cáo, thảo luận (13′): Ba nhóm treo mẫu sổ, lớp so sánh và bỏ phiếu chọn một mẫu chung. Sau đó bốn học sinh đọc ba khoản mình sẽ cắt bớt và giải thích vì sao xếp khoản đó là không thiết yếu. Lớp tranh luận với hai trường hợp còn gây tranh cãi.

4. Kết luận, nhận định (5′): GV chốt: Ranh giới giữa thiết yếu và không thiết yếu không giống nhau ở mọi người, nhưng ai cũng có ít nhất một khoản cắt được mà không ảnh hưởng gì. Từ hôm nay mỗi em ghi sổ trong hai tuần, đến tiết 39 mang ra đối chiếu.

TIẾT 31. NHỜ MÁY LÀM HỘ – ĐƯỢC GÌ VÀ MẤT GÌ

Kết nối hai tiết (3′): Lớp vừa nhận việc ghi sổ thu chi trong hai tuần. Trước khi có bạn nghĩ đến chuyện nhờ một phần mềm ghi hộ, tiết này bàn cho rõ chuyện nhờ máy làm hộ thì được gì và mất gì.

Nhiệm vụ 2.14. Ba tình huống nhờ trí tuệ nhân tạo làm hộ và rủi ro kèm theo (42′)

a) Mục tiêu: Chỉ ra được rủi ro về đạo đức và rủi ro về pháp lí trong ba tình huống nhờ một phần mềm trí tuệ nhân tạo làm hộ bài tập, tư vấn chi tiêu và nhắc việc rèn luyện.

b) Nội dung: Giáo viên phát bản in ba tình huống đã chuẩn bị từ trước. Tình huống thứ nhất: một bạn nhờ phần mềm viết hộ cả bài thu hoạch rồi nộp như bài của mình. Tình huống thứ hai: một bạn hỏi phần mềm nên tiêu tiền thế nào, phần mềm trả lời bằng những con số nghe rất chắc chắn nhưng không hề biết bạn ấy có bao nhiêu. Tình huống thứ ba: một bạn kể hết chuyện gia đình và thời gian biểu của mình cho phần mềm để nhờ nhắc việc rèn luyện. Học sinh làm việc theo nhóm trên phiếu giấy, không dùng thiết bị.

c) Sản phẩm: Phiếu ba tình huống của mỗi nhóm, mỗi tình huống ghi hai dòng: rủi ro về đạo đức và rủi ro về pháp lí hoặc rủi ro với quy định của nhà trường, kèm một câu nêu người chịu hậu quả cuối cùng.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (6′): Giáo viên phát bản in ba tình huống cho sáu nhóm, làm rõ hai khái niệm: rủi ro đạo đức là việc làm khiến người khác bị đối xử không công bằng hoặc khiến mình không còn trung thực; rủi ro pháp lí là việc va vào nội quy nhà trường hoặc vào quy định của pháp luật, chẳng hạn quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân.

2. Thực hiện nhiệm vụ (18′): Các nhóm đọc ba tình huống và ghi rủi ro vào phiếu. Giáo viên đi từng nhóm, gợi bằng ba câu hỏi: nếu thầy cô chấm bài ấy thì điểm số phản ánh năng lực của ai; nếu làm theo lời khuyên chi tiêu ấy mà hết tiền thì ai chịu; và những chuyện riêng đã kể ra thì sau đó nằm ở đâu, ai đọc được.

3. Báo cáo, thảo luận (13′): Các nhóm trình bày, mỗi nhóm hai phút, các nhóm khác phản biện. Riêng tình huống thứ nhất, giáo viên tổ chức tranh biện ngắn giữa hai nhóm: một nhóm bảo vệ ý kiến nhờ máy viết rồi có sửa lại thì vẫn là bài của mình, nhóm kia phản đối.

4. Kết luận, nhận định (5′): GV chốt: Ba tình huống dẫn tới ba loại thiệt khác nhau. Nhờ máy làm hộ bài thì mất trung thực và mất chính năng lực của mình; tin lời khuyên chi tiêu của máy thì mất tiền thật; kể hết chuyện riêng cho máy thì mất quyền giữ kín đời tư, và cái mất này không lấy lại được.

TIẾT 32. BA NHÓM RỦI RO VÀ NGUYÊN TẮC DÙNG MÁY TRUNG THỰC

Kết nối hai tiết (3′): Tiết trước lớp đã chỉ ra thiệt hại trong từng tình huống riêng lẻ. Tiết này gom chúng thành nhóm và biến thành một bộ nguyên tắc cả lớp cùng giữ.

Nhiệm vụ 2.15. Phân loại rủi ro và đối chiếu với nội quy nhà trường (20′)

a) Mục tiêu: Phân loại được rủi ro khi nhờ trí tuệ nhân tạo quản lí việc học và việc chi tiêu thành ba nhóm là lệ thuộc, số liệu sai và lộ dữ liệu riêng tư; đối chiếu được từng nhóm với một điều trong nội quy nhà trường.

b) Nội dung: Các nhóm lấy lại phiếu ba tình huống ở tiết trước, xếp các rủi ro đã ghi vào ba nhóm, rồi mở bản in nội quy nhà trường để tìm điều khoản liên quan cho từng nhóm rủi ro. Toàn bộ làm trên phiếu giấy.

c) Sản phẩm: Bảng ba nhóm rủi ro của nhóm, mỗi nhóm rủi ro gồm biểu hiện, hậu quả, điều khoản nội quy liên quan và một cách dùng an toàn tương ứng.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (2′): Giáo viên viết tên ba nhóm rủi ro lên bảng và phát lại bản in nội quy nhà trường cho từng nhóm.

2. Thực hiện nhiệm vụ (10′): Các nhóm xếp rủi ro vào ba nhóm và tìm điều khoản nội quy tương ứng. Giáo viên nhắc nhóm nào bỏ trống cột nội quy thì tìm ở phần quy định về trung thực trong kiểm tra và phần quy định về sử dụng thiết bị, mạng trong nhà trường.

3. Báo cáo, thảo luận (5′): Ba nhóm trình bày bảng phân loại. Lớp kiểm chéo xem có rủi ro nào bị xếp nhầm nhóm và có nhóm rủi ro nào chưa nêu được cách dùng an toàn.

4. Kết luận, nhận định (3′): GV chốt: Ba nhóm rủi ro cần ba cách phòng khác nhau. Lệ thuộc thì phòng bằng cách tự làm trước rồi mới đối chiếu; số liệu sai thì phòng bằng cách kiểm lại bằng phép tính của mình; lộ dữ liệu thì phòng bằng cách không kể chuyện riêng ra ngay từ đầu.

Nhiệm vụ 2.16. Thống nhất bộ nguyên tắc dùng máy trung thực của lớp (22′)

a) Mục tiêu: Thống nhất được một bộ nguyên tắc dùng trí tuệ nhân tạo trung thực và an toàn cho lớp, phù hợp với nội quy nhà trường và với điều kiện thật của lớp.

b) Nội dung: Từ ba bảng phân loại rủi ro, cả lớp cùng viết bộ nguyên tắc gồm năm đến bảy điều, mỗi điều nói rõ được phép làm gì và không được làm gì; sau đó biểu quyết từng điều rồi chép ra giấy A3 dán ở góc lớp.

c) Sản phẩm: Bộ nguyên tắc dùng trí tuệ nhân tạo trung thực của lớp trên giấy A3, có chữ kí của lớp trưởng và bí thư chi đoàn, dán tại góc lớp.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (3′): Giáo viên giao mỗi nhóm đề xuất hai điều nguyên tắc, nói rõ mỗi điều phải viết được thành câu kiểm tra được, không viết kiểu phải có ý thức.

2. Thực hiện nhiệm vụ (10′): Các nhóm viết hai điều lên giấy nhớ và dán lên bảng. Giáo viên cùng lớp gom các điều trùng nhau, giữ lại các điều khác nhau về nội dung.

3. Báo cáo, thảo luận (6′): Lớp đọc từng điều còn lại và biểu quyết bằng giơ tay. Điều nào quá nửa lớp đồng ý thì giữ; điều nào chưa rõ thì sửa lời ngay tại chỗ rồi biểu quyết lại.

4. Kết luận, nhận định (3′): GV chốt: Bộ nguyên tắc này do chính lớp viết ra nên lớp có trách nhiệm giữ. Từ hôm nay, bài nộp nào có phần nhờ máy viết thì phải ghi rõ ở cuối bài là đã nhờ ở chỗ nào.

TIẾT 33. RÈN TÍNH KỈ LUẬT – HAI TÌNH HUỐNG TRANG 23

Kết nối hai tiết (3′): Từ tiết này lớp chuyển sang phần rèn luyện của sách giáo khoa. Bắt đầu bằng hai tình huống mà kỉ luật bị thử thách ngay lúc có bạn rủ đi chệch.

Nhiệm vụ 2.17. Xử lí tình huống 1 và tình huống 2 về tính kỉ luật (42′)

a) Mục tiêu: Đề xuất được cách giải quyết thể hiện tính kỉ luật trong hai tình huống có sức ép từ bạn bè; giải thích được vì sao chọn cách ấy.

b) Nội dung: Học sinh xử lí hai tình huống nguyên văn ở sách giáo khoa trang 23. Tình huống 1: sáng Chủ nhật, nhà trường tổ chức cho học sinh tham gia tuyên truyền vận động người dân trong cộng đồng thực hiện nếp sống văn minh; do ngại tham gia nên Nam đã rủ Sơn đi đá bóng — nếu là Sơn, em sẽ làm gì. Tình huống 2: vì vội đến trường nên Hiền không mang theo giày thể thao để học trong giờ Giáo dục thể chất như quy định; khi nhận ra điều này, dù đã đi được nửa quãng đường nhưng nếu quay về để lấy giày vẫn kịp giờ; Hiền rủ Hằng quay về nhưng Hằng nói thôi kệ đi, không ai để ý đâu — nếu là Hiền, em sẽ làm gì.

c) Sản phẩm: Phiếu xử lí hai tình huống của mỗi nhóm, mỗi tình huống gồm cách giải quyết, lí do và một câu nói cụ thể dùng để trả lời bạn; hai tình huống được đóng vai trước lớp.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (6′): Giáo viên phát phiếu hai tình huống cắt rời, chia sáu nhóm và phân công: ba nhóm làm tình huống 1, ba nhóm làm tình huống 2; nêu rõ sản phẩm phải có một câu nói cụ thể chứ không chỉ nêu chung là em sẽ khuyên bạn.

2. Thực hiện nhiệm vụ (16′): Các nhóm thảo luận và viết phiếu, sau đó tập đóng vai. Giáo viên đi từng nhóm, hỏi nhóm nào chọn cách đi đá bóng rồi hôm sau xin lỗi: việc tuyên truyền hôm ấy có làm lại được không, và ai sẽ làm thay phần của em.

3. Báo cáo, thảo luận (15′): Bốn nhóm đóng vai trước lớp, mỗi nhóm khoảng ba phút. Hai nhóm còn lại nhận xét theo hai câu hỏi: cách xử lí ấy có giữ được kỉ luật không, và có giữ được tình bạn không.

4. Kết luận, nhận định (5′): GV chốt: Cả hai tình huống đều là chuyện phải chọn giữa việc dễ chịu trước mắt và việc mình đã nhận. Điểm chung của các cách xử lí tốt là không chỉ tự mình giữ đúng mà còn rủ được người kia cùng giữ, bằng lời nói nhẹ nhàng chứ không lên án.

TIẾT 34. RÈN TÍNH KỈ LUẬT – BA TÌNH HUỐNG TRANG 24

Kết nối hai tiết (3′): Hai tình huống tiết trước còn có bạn ở bên nhắc. Ba tình huống hôm nay khó hơn: kỉ luật bị thử thách lúc không ai nhìn thấy hoặc lúc mình đang sốt ruột nhất.

Nhiệm vụ 2.18. Xử lí tình huống 3, 4 và 5 về tính kỉ luật (42′)

a) Mục tiêu: Đề xuất được cách giải quyết thể hiện tính kỉ luật trong ba tình huống liên quan tới cam kết với nhóm, trách nhiệm với cộng đồng và ứng xử nơi công cộng.

b) Nội dung: Học sinh xử lí ba tình huống nguyên văn ở sách giáo khoa trang 24. Tình huống 3: câu lạc bộ nghệ thuật của Tùng được phân công biểu diễn tiểu phẩm chủ đề Bảo vệ môi trường vào sáng thứ Hai; theo quy định của nhóm, Tùng phải đưa kịch bản cho các bạn vào ngày mai nhưng Tùng chưa viết xong, tối nay Tùng lại được mời đi xem một vở kịch mà Tùng rất thích. Tình huống 4: theo lịch, hằng tuần vào sáng Chủ nhật mỗi gia đình đều phải có người tham gia dọn vệ sinh đường làng ngõ xóm; Chủ nhật tuần này mọi người trong gia đình Mai đều đi vắng, chỉ còn Mai ở nhà, sáng hôm đó Mai có bạn rủ đi chơi. Tình huống 5: cuối tuần cửa hàng gần nhà Hà có nhiều mặt hàng giảm giá, bố mẹ đưa tiền và dặn Hà những thứ

cần mua; Hà ngủ quên nên lúc ra cửa hàng đã thấy mọi người xếp hàng dài, đang sốt ruột thì Hà thấy An sắp đến lượt đang vẫy và rủ Hà chen đứng vào chỗ trên.

c) Sản phẩm: Phiếu xử lí ba tình huống của mỗi nhóm; riêng tình huống 5 có thêm một dòng nêu hậu quả với những người đang xếp hàng phía sau nếu Hà chen lên.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (6′): Giáo viên phát ba phiếu tình huống, chia sáu nhóm, mỗi tình huống hai nhóm; lưu ý riêng tình huống 5 phải trả lời thêm câu hỏi ai là người chịu thiệt nếu Hà chen hàng.

2. Thực hiện nhiệm vụ (16′): Các nhóm thảo luận và viết phiếu. Giáo viên gợi cho nhóm làm tình huống 3 bằng câu hỏi kịch bản chưa xong thì các bạn trong câu lạc bộ ngày mai làm gì; gợi cho nhóm làm tình huống 4 bằng câu hỏi nếu nhà nào cũng vắng như nhà Mai thì đường làng tuần này ra sao.

3. Báo cáo, thảo luận (15′): Sáu nhóm lần lượt trình bày, mỗi nhóm hai phút rưỡi; hai nhóm cùng một tình huống trình bày liền nhau để lớp so sánh hai cách xử lí. Lớp bỏ phiếu chọn cách thuyết phục nhất cho từng tình huống.

4. Kết luận, nhận định (5′): GV chốt: Ba tình huống này khó hơn hai tình huống hôm trước vì không có ai kiểm tra. Kỉ luật thật sự là thứ giữ được lúc không ai nhìn thấy, và ở tình huống 5 thì chen hàng không chỉ là chuyện của riêng Hà mà lấy mất lượt của những người đứng sau.

TIẾT 35. XÂY DỰNG KẾ HOẠCH NỖ LỰC TỰ HOÀN THIỆN BẢN THÂN

Kết nối hai tiết (3′): Lớp đã rèn tính kỉ luật qua năm tình huống. Tiết này gom mọi thứ đã học về chính mình thành một bản kế hoạch có thể mang về nhà thực hiện.

Gợi ý:

KẾ HOẠCH NỖ LỰC TỰ HOÀN THIỆN BẢN THÂN

TT	Mục tiêu	Biện pháp	Thời gian	Điều kiện, người hỗ trợ	Kết quả mong đợi
1	Phát huy khả năng giao tiếp tốt	…	…	…	…
2	Khắc phục tính nóng nảy	…	…	…	…
3	Thay đổi thói quen dậy muộn	…	…	…	…

Bảng Kế hoạch nỗ lực tự hoàn thiện bản thân, sáu cột — SGK trang 24

Nhiệm vụ 2.19. Điền bảng kế hoạch nỗ lực tự hoàn thiện bản thân (42′)

a) Mục tiêu: Xây dựng được kế hoạch nỗ lực tự hoàn thiện bản thân đủ sáu cột theo mẫu ở sách giáo khoa, trong đó biện pháp bám đúng mục tiêu và kết quả mong đợi đo được.

b) Nội dung: Học sinh dùng mẫu bảng ở sách giáo khoa trang 24 với sáu cột là số thứ tự, mục tiêu, biện pháp, thời gian, điều kiện và người hỗ trợ, kết quả mong đợi. Ba dòng mẫu trong sách là phát huy khả năng giao tiếp tốt, khắc phục tính nóng nảy và thay đổi thói quen dậy muộn; mỗi học sinh thay bằng ba mục tiêu của chính mình, lấy ý từ bảng ba mảng đã dựng ở tiết 24. Bảng được điền vào mục D của Phụ lục 1.

c) Sản phẩm: Bảng kế hoạch nỗ lực tự hoàn thiện bản thân của mỗi học sinh, đủ sáu cột và ba dòng, trong đó ít nhất hai kết quả mong đợi nêu được con số hoặc dấu hiệu đếm được.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (6′): Giáo viên chiếu mẫu bảng ở sách giáo khoa trang 24 lên tivi, chỉ rõ sáu cột và nhấn mạnh hai cột hay bị bỏ trống là điều kiện, người hỗ trợ và kết quả mong đợi; làm mẫu một dòng với mục tiêu thay đổi thói quen dậy muộn.

2. Thực hiện nhiệm vụ (18′): Học sinh điền bảng ở mục D Phụ lục 1. Giáo viên đi một vòng, kiểm hai điều ở từng phiếu: biện pháp có bám đúng mục tiêu không, và kết quả mong đợi có đo được không.

3. Báo cáo, thảo luận (13′): Học sinh trao đổi bảng theo nhóm bốn người, mỗi em nhận xét bảng của bạn theo ba câu hỏi: mục tiêu này có phải của chính bạn không, biện pháp có làm được trong một tháng không, và cuối tháng nhìn vào đâu để biết bạn đã đạt. Bốn học sinh đọc bảng trước lớp.

4. Kết luận, nhận định (5′): GV chốt: Kế hoạch tự hoàn thiện dễ hỏng ở hai chỗ: đặt mục tiêu quá lớn và bỏ trống cột người hỗ trợ. Người hỗ trợ không phải là người làm hộ mà là người nhắc mình lúc mình định bỏ cuộc.

TIẾT 36. HOÀN THIỆN KẾ HOẠCH SAU GÓP Ý

Kết nối hai tiết (3′): Bảng kế hoạch tiết trước mới là bản nháp đầu tiên. Tiết này lớp soi lại thật kĩ để bản kế hoạch đủ chắc mà mang về nhà chạy thật.

Nhiệm vụ 2.20. Chia sẻ với bạn và chỉnh lại kế hoạch (42′)

a) Mục tiêu: Chỉnh sửa được kế hoạch nỗ lực tự hoàn thiện bản thân sau khi nghe góp ý, làm cho mục tiêu vừa sức, biện pháp cụ thể và thời gian rõ ràng hơn.

b) Nội dung: Theo yêu cầu thứ hai của hoạt động 7 ở sách giáo khoa trang 24, học sinh chia sẻ kế hoạch với bạn rồi hoàn thiện. Lớp làm việc theo vòng tròn góp ý: mỗi em đọc kế hoạch cho ba bạn nghe, mỗi bạn góp một ý theo một tiêu chí riêng là mục tiêu, biện pháp và kết quả mong đợi.

c) Sản phẩm: Bản kế hoạch đã chỉnh của mỗi học sinh, có đánh dấu rõ ba chỗ đã sửa và ghi lí do sửa bên lề; kèm một dòng cam kết ngày bắt đầu thực hiện.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (5′): Giáo viên chia lớp thành các nhóm bốn người và giao cho ba bạn trong nhóm ba vai góp ý khác nhau, ghi ba vai lên bảng để không ai góp trùng nhau.

2. Thực hiện nhiệm vụ (18′): Các nhóm chạy vòng góp ý, mỗi em có bốn phút đọc và nghe góp ý. Giáo viên đi từng nhóm, nhắc người góp ý phải nêu được đề nghị sửa cụ thể chứ không chỉ nói là chưa ổn.

3. Báo cáo, thảo luận (14′): Học sinh sửa lại kế hoạch của mình ngay tại lớp và đánh dấu ba chỗ đã sửa. Sau đó bốn học sinh đọc phần trước và sau khi sửa để lớp thấy khác biệt.

4. Kết luận, nhận định (5′): GV chốt: Bản kế hoạch tốt lên nhiều nhất ở chỗ được người khác hỏi lại. Từ hôm nay kế hoạch bắt đầu chạy; đến tiết 40 mỗi em mang bảng này ra đối chiếu xem đã đi được đến đâu.

TIẾT 37. THỰC HÀNH THU HÚT BẠN QUA BA TRƯỜNG HỢP

Kết nối hai tiết (3′): Kế hoạch của mỗi em đã bắt đầu chạy. Tiết này quay sang bạn bè với ba trường hợp cụ thể trong sách giáo khoa, mỗi bạn mắc ở một chỗ khác nhau.

Nhiệm vụ 2.21. Chọn biện pháp thu hút cho ba trường hợp trang 25 (42′)

a) Mục tiêu: Lựa chọn và thực hiện được biện pháp phù hợp để thu hút các bạn cùng phấn đấu hoàn thiện bản thân trong ba trường hợp khác nhau; nhận xét được sự phù hợp của biện pháp.

b) Nội dung: Học sinh xử lí ba trường hợp nguyên văn ở sách giáo khoa trang 25. Trường hợp 1: Lâm thường hành động theo ý thích của mình mà không quan tâm đến hậu quả; để thể hiện bản thân và thoả mãn sở thích, cuối tuần vừa rồi Lâm theo nhóm bạn đi đua xe và đã bị xử phạt hành chính. Trường hợp 2: Hạnh là người có nhiều điểm mạnh, tuy nhiên bạn lại nhút nhát và không đặt cho mình mục tiêu phấn đấu tự hoàn thiện bản thân. Trường hợp 3: Khôi là người thông minh, giải quyết công việc và nhiệm vụ học tập nhanh nên mọi người đều cho rằng bạn có thể trở thành học sinh giỏi, nhưng Khôi lại rất ham chơi điện tử nên kết quả học tập chỉ đạt trung bình, khiến bố mẹ và thầy cô chưa hài lòng. Với mỗi trường hợp, nhóm chọn một cách trong bốn cách đã lập ở tiết 26 và viết thành lời thoại.

c) Sản phẩm: Ba phương án thu hút của nhóm, mỗi phương án gồm chỗ bạn đang mắc, cách đã chọn, lời mở đầu cụ thể và việc đầu tiên đề nghị bạn làm; ba phương án được đóng vai trước lớp.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (6′): Giáo viên phát ba phiếu trường hợp, chia sáu nhóm, mỗi trường hợp hai nhóm; nhấn mạnh phải chỉ ra chỗ bạn đang mắc trước rồi mới chọn cách, không chọn cách trước.

2. Thực hiện nhiệm vụ (16′): Các nhóm thảo luận, viết phương án và tập đóng vai. Giáo viên gợi ý nhóm làm trường hợp 1 rằng Lâm cần được nhìn nhận chứ không cần bị dạy dỗ thêm; gợi ý nhóm làm trường hợp 2 rằng Hạnh chưa thiếu khả năng mà thiếu một mục tiêu đủ nhỏ để dám thử.

3. Báo cáo, thảo luận (15′): Sáu nhóm đóng vai, hai nhóm cùng trường hợp diễn liền nhau. Sau mỗi cặp, lớp nhận xét về sự phù hợp và chưa phù hợp của biện pháp theo yêu cầu thứ hai ở sách giáo khoa trang 25.

4. Kết luận, nhận định (5′): GV chốt: Ba bạn mắc ba chỗ khác nhau nên không dùng chung một cách được. Lâm cần chỗ để thể hiện mà không nguy hiểm, Hạnh cần một mục tiêu nhỏ để dám bắt đầu, còn Khôi cần một lí do đủ mạnh để rời trò chơi. Điểm chung là không ai đổi vì bị chê.

TIẾT 38. QUẢN LÍ CẢM XÚC TRONG BỐN TÌNH HUỐNG TRANG 25 VÀ 26

Kết nối hai tiết (3′): Ba tiết vừa rồi lớp làm việc với kỉ luật và với bạn bè. Tiết này quay lại phần khó nhất của chủ đề là giữ được mình lúc bị chọc giận, bị hiểu lầm hay bị dội gáo nước lạnh.

Nhiệm vụ 2.22. Đề xuất cách quản lí cảm xúc cho bốn tình huống (42′)

a) Mục tiêu: Đề xuất được cách quản lí cảm xúc và ứng xử hợp lí trong bốn tình huống giao tiếp khác nhau: với người lạ, với bố mẹ, với bạn ganh đua và với bạn nói lời làm mình hụt hẫng.

b) Nội dung: Học sinh xử lí bốn tình huống nguyên văn ở sách giáo khoa trang 25 và 26. Tình huống 1: trời vừa mưa xong nên nước còn đọng trên đường, khi Hướng đi ngang qua vũng nước thì một người đàn ông đi xe máy làm bắn nước bẩn lên người, người đó quay lại nhìn Hướng và cười khiến Hướng rất tức giận. Tình huống 2: Sinh tham gia dự án bảo vệ môi trường nên cần vào mạng tìm tài liệu, khi Sinh đang miệt mài tìm kiếm thì bố nhìn thấy và cho rằng Sinh đang lãng phí thời gian nên đã nặng lời, khiến bạn cảm thấy rất ấm ức. Tình huống 3: Minh và Dũng học cùng lớp với Nga, cả hai đều thầm thích Nga; Dũng học giỏi hơn Minh nên tự tin là Nga thích mình hơn, một hôm Dũng nhìn thấy Minh đi cùng Nga nên ghen tức và nói với Minh câu kém hơn mà cũng đòi, để xem ai thắng. Tình huống 4: tự biết sức học của bản thân chưa tốt nên Hằng luôn kiên trì cố gắng, bài kiểm tra cuối kì bạn đạt điểm cao ngoài mong đợi; đang vui thì Lan nói chắc do may mắn thôi, khiến Hằng cảm thấy như bị dội gáo nước lạnh.

c) Sản phẩm: Phiếu bốn tình huống của nhóm, mỗi tình huống ghi ba phần: cảm xúc đang có, cách hạ nhiệt theo quy trình đã lập ở tiết 28 và một câu ứng xử cụ thể; hai tình huống được đóng vai trước lớp.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (6′): Giáo viên phát bốn phiếu tình huống cho sáu nhóm, mỗi nhóm nhận hai tình huống; yêu cầu mỗi tình huống phải gọi tên cảm xúc trước rồi mới nói cách ứng xử.

2. Thực hiện nhiệm vụ (16′): Các nhóm thảo luận và viết phiếu. Giáo viên gợi ý nhóm làm tình huống 2 rằng bố hiểu nhầm vì không biết Sinh đang làm gì, vậy việc cần làm trước là cho bố biết chứ không phải cãi lại; gợi ý nhóm làm tình huống 3 rằng câu nói của Dũng nhằm khiêu khích, đáp lại đúng kiểu ấy là mắc bẫy.

3. Báo cáo, thảo luận (15′): Hai nhóm đóng vai tình huống 2 và tình huống 4, mỗi nhóm khoảng bốn phút. Các nhóm còn lại trình bày nhanh hai tình huống kia. Lớp chia sẻ suy nghĩ về cách quản lí cảm xúc theo yêu cầu thứ hai ở sách giáo khoa trang 26.

4. Kết luận, nhận định (5′): GV chốt: Bốn tình huống đều có chung một bẫy là đáp trả ngay khi cơn giận còn đang lên cao. Cách xử lí tốt luôn có một khoảng dừng ở giữa, dù chỉ vài giây. Sau khoảng dừng ấy, việc cần làm không phải là thắng người kia mà là nói cho rõ điều mình muốn.

TIẾT 39. ĐỐI CHIẾU SỔ THU CHI VÀ ĐIỀU CHỈNH CHI TIÊU

Kết nối hai tiết (3′): Cách đây chín tiết mỗi em đã nhận việc ghi sổ thu chi trong hai tuần. Hôm nay mang sổ ra đối chiếu để biết tiền của mình thật sự đã đi đâu.

Hoạt động 3. Luyện tập – Đọc lại sổ thu chi và cắt bớt khoản chưa hợp lí (42′)

a) Mục tiêu: Thực hiện được kế hoạch tài chính cá nhân hợp lí: đọc lại sổ thu chi hai tuần, rà soát và cân nhắc điều chỉnh các khoản chi chưa hợp lí, nêu được cách tăng thêm khoản thu phù hợp với học sinh.

b) Nội dung: Mỗi học sinh mang sổ thu chi đã ghi trong hai tuần, cộng tổng thu, tổng chi và số còn lại; xếp các khoản chi thành hai nhóm thiết yếu và chưa thiết yếu; chọn ba khoản sẽ cắt bớt và ước tính số tiền tiết kiệm được trong một tháng. Sau đó, dựa vào gợi ý ở sách giáo khoa trang 26, mỗi em nêu một cách tăng thu phù hợp như làm thêm việc vừa sức hoặc thanh lí đồ cũ. Mọi con số đều có thể làm tròn và không ai phải công bố tổng số tiền của mình.

c) Sản phẩm: Bảng tổng kết hai tuần của mỗi học sinh gồm tổng thu, tổng chi, số còn lại; danh sách ba khoản sẽ cắt kèm số tiền dự kiến tiết kiệm được trong một tháng; một cách tăng thu khả thi.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (5′): Giáo viên nhắc lại quy ước không công bố số tiền thật, hướng dẫn cách cộng ba dòng tổng và kẻ mẫu bảng tổng kết lên bảng lớp.

2. Thực hiện nhiệm vụ (18′): Học sinh cộng sổ, phân loại khoản chi và chọn ba khoản sẽ cắt. Giáo viên đi từng bàn, giúp các em cộng còn sai và hỏi em nào xếp tất cả các khoản vào nhóm thiết yếu: nếu tuần sau không có khoản này thì em có thiếu gì không.

3. Báo cáo, thảo luận (14′): Học sinh trao đổi theo cặp về ba khoản sẽ cắt, sau đó sáu em chia sẻ trước lớp một khoản mình sẽ cắt và một cách tăng thu. Lớp nhận xét cách tăng thu nào thật sự vừa sức với học sinh và cách nào ảnh hưởng tới việc học.

4. Kết luận, nhận định (5′): GV chốt: Ghi sổ hai tuần cho thấy phần lớn số tiền không đi vào những khoản lớn mà rơi vãi ở những khoản nhỏ lặp lại. Cắt được ba khoản nhỏ lặp lại thì trong một tháng số tiền dành ra được thường lớn hơn các em tưởng.

TIẾT 40. VẬN DỤNG VÀ TỔNG KẾT CHỦ ĐỀ

Kết nối hai tiết (3′): Mười bảy tiết vừa qua lớp đã làm việc với kỉ luật, với sự tự hoàn thiện, với bạn bè, với cảm xúc và với đồng tiền. Tiết cuối gom lại thành cam kết mang về nhà và một lần tự đánh giá.

Hoạt động 4. Vận dụng – Cam kết rèn luyện và tự đánh giá chủ đề (42′)

a) Mục tiêu: Vận dụng được các biện pháp và kế hoạch đã xác định vào cuộc sống hằng ngày; tự đánh giá được kết quả trải nghiệm chủ đề theo sáu tiêu chí của sách giáo khoa.

b) Nội dung: Theo hoạt động 11 ở sách giáo khoa trang 27, mỗi học sinh cam kết năm việc: thực hiện kế hoạch thay đổi thói quen tiêu cực để tuân thủ kỉ luật và quy định chung của nhà trường và cộng đồng; áp dụng các biện pháp quản lí cảm xúc và ứng xử phù hợp trong giao tiếp hằng ngày; thực hiện kế hoạch nỗ lực tự hoàn thiện bản thân; áp dụng các biện pháp thu hút các bạn cùng phấn đấu hoàn thiện; ghi chép lại kết quả, cảm xúc khi thực hiện thành công cùng những khó khăn và cách vượt qua để chia sẻ với thầy cô và các bạn. Sau đó học sinh hoàn thành phiếu tự đánh giá sáu tiêu chí ở trang 27 với hai mức Đạt hoặc Chưa đạt.

c) Sản phẩm: Phiếu cam kết năm việc của mỗi học sinh có ghi ngày bắt đầu; nhật kí rèn luyện dự kiến ghi mỗi tuần một dòng trong bốn tuần; phiếu tự đánh giá sáu tiêu chí đã đánh dấu mức đạt kèm tên sản phẩm chứng minh.

d) Tổ chức thực hiện

1. Chuyển giao nhiệm vụ (5′): Giáo viên phát lại thẻ cam kết viết ở tiết 23 và bảng kế hoạch tự hoàn thiện ở tiết 36 để mỗi em đối chiếu; chiếu sáu tiêu chí tự đánh giá ở sách giáo khoa trang 27 lên tivi và giải thích từng tiêu chí bằng sản phẩm cụ thể lớp đã làm.

2. Thực hiện nhiệm vụ (16′): Học sinh viết phiếu cam kết năm việc và đánh dấu phiếu tự đánh giá, ghi kèm tên sản phẩm chứng minh cho mỗi tiêu chí chọn mức Đạt. Giáo viên đi một vòng, hỏi em nào đánh dấu Đạt cho tiêu chí thu hút bạn: bạn ấy là ai và bạn ấy đã thay đổi điều gì.

3. Báo cáo, thảo luận (16′): Sáu học sinh chia sẻ một tiêu chí mình chưa đạt và dự định làm tiếp; lớp góp ý cách làm. Sau đó lớp cùng đọc lại bộ nguyên tắc dùng máy trung thực dán ở góc lớp và bổ sung nếu thấy còn thiếu điều nào sau chín tiết vừa qua.

4. Kết luận, nhận định (5′): GV chốt: Chủ đề khép lại nhưng bốn việc thì còn chạy tiếp: thẻ cam kết kỉ luật, kế hoạch tự hoàn thiện, sổ thu chi và bộ nguyên tắc dùng máy. Nhật kí bốn tuần cùng phiếu tự đánh giá là căn cứ cho đánh giá thường xuyên của chủ đề này.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

.....

.....

.....

PHỤ LỤC 1. PHIẾU HỌC TẬP CHỦ ĐỀ 3 – DÙNG XUYÊN SUỐT CHỦ ĐỀ

Họ và tên: …… Lớp: …… Nhóm: ……

A. CÂU HỎI MỞ ĐẦU

1. Việc gần đây nhất em định làm cho đều mà rồi bỏ dở là việc gì?
2. Điều gì khiến em bỏ dở việc ấy?
3. Trong học kì này, em muốn rèn cho được điều gì ở bản thân?

B. PHIẾU KIẾN THỨC CHỦ ĐỀ 3

Nội dung	Ý chính (SGK nói gì?)	Ví dụ / tình huống minh hoạ	Rút ra điều gì?
Gợi ý cách ghi →	*Ghi ý chính trong SGK, 1–2 câu ngắn.*	*Nêu một ví dụ, tình huống hoặc số liệu minh hoạ.*	*Viết một câu kết luận hoặc liên hệ.*
1. Tuân thủ kỉ luật, quy định chung			
2. Nỗ lực hoàn thiện bản thân			
3. Thu hút các bạn cùng phấn đấu			
4. Quản lí cảm xúc và ứng xử hợp lí			
5. Kế hoạch tài chính cá nhân			

C. MINH CHỨNG NĂNG LỰC SỐ – AI

C1. Ba tình huống nhờ máy làm hộ – rủi ro nào đi kèm

Đọc ba tình huống thầy cô phát, ghi rủi ro vào bảng dưới. Phần này làm trên giấy, cả lớp không dùng thiết bị.

Tình huống	Rủi ro về đạo đức	Rủi ro về pháp lí hoặc nội quy	Cuối cùng ai chịu hậu quả?
1. Nhờ máy viết hộ bài thu hoạch rồi nộp như bài của mình			
2. Hỏi máy nên tiêu tiền thế nào và làm theo ngay			
3. Kể chuyện gia đình và thời gian biểu cho máy để nhờ nhắc việc			

C2. Ba nhóm rủi ro và cách dùng an toàn

Nhóm rủi ro	Biểu hiện cụ thể	Điều nào trong nội quy liên quan?	Cách dùng an toàn
Lệ thuộc			
Số liệu sai			
Lộ dữ liệu riêng tư			

Trả lời hai câu hỏi sau:

1. Vì sao một phần mềm trả lời rất trôi chảy mà con số nó đưa ra vẫn có thể sai với em?

2. Điều em đã kể cho máy nghe, sau đó nằm ở đâu và ai có thể đọc được?

Bộ nguyên tắc dùng máy trung thực mà lớp em đã thống nhất:

– Điều 1: ……

– Điều 2: ……

– Điều 3: ……

D. LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG

D1. Kế hoạch nỗ lực tự hoàn thiện bản thân (theo mẫu SGK trang 24)

TT	Mục tiêu	Biện pháp	Thời gian	Điều kiện, người hỗ trợ	Kết quả mong đợi
1					
2					
3					

D2. Sổ thu chi cá nhân – ghi trong hai tuần

Số tiền có thể làm tròn. Em không phải nói số tiền thật của gia đình cho ai.

Ngày	Nội dung khoản thu hoặc khoản chi	Thu	Chi	Còn lại
	Tổng hai tuần			

– Ba khoản em sẽ cắt bớt: ……

– Số tiền dự kiến dành ra được trong một tháng: ……

– Một cách tăng thêm khoản thu vừa sức với em: ……

D3. Cam kết rèn luyện sau chủ đề

Việc em cam kết làm	Bắt đầu từ ngày	Người hỗ trợ	Dấu hiệu cho thấy em đã làm được

PHỤ LỤC 2. ĐÁP ÁN NGẮN – GIÁO VIÊN NHÌN NHANH

1. Gợi ý đáp án phiếu kiến thức (tham khảo)

Nội dung	Ý chính (SGK nói gì?)	Ví dụ / tình huống	Rút ra điều gì?
1. Tuân thủ kỉ luật, quy định chung	SGK trang 21, hoạt động 1 yêu cầu chia sẻ những quy định đã tuân thủ, những quy định chưa thường xuyên thực hiện, khó khăn đã gặp và cách khắc phục; sau đó thảo luận biện pháp tuân thủ kỉ luật của nhóm, lớp, tập thể trường và cộng đồng.	Ba biện pháp sách nêu: nhận thức được việc tuân thủ kỉ luật là tốt cho bản thân, tập thể và cộng đồng; tạo thói quen tuân thủ kỉ luật, quy định; nghiêm túc trong việc thực hiện. Năm tình huống rèn luyện tính kỉ luật ở trang 23 và 24 lần lượt về Sơn, Hiền, Tùng, Mai và Hà.	Kỉ luật giữ được lâu là nhờ thói quen chứ không nhờ quyết tâm nhất thời; và chỗ khó nhất là lúc không ai kiểm tra.
2. Nỗ lực hoàn thiện bản thân	SGK trang 21, hoạt động 2 yêu cầu chia sẻ những việc đã làm để phát huy điểm mạnh, khắc phục điểm yếu về đạo đức, lối sống, học tập và sức khoẻ; rồi xác định hành động biểu hiện sự cố gắng, kiên trì. Trang 24, hoạt động 7 đưa mẫu bảng kế hoạch.	Bảng Kế hoạch nỗ lực tự hoàn thiện bản thân ở trang 24 có 6 cột: TT, Mục tiêu, Biện pháp, Thời gian, Điều kiện và người hỗ trợ, Kết quả mong đợi; 3 dòng mục tiêu mẫu là phát huy khả năng giao tiếp tốt, khắc phục tính nóng nảy, thay đổi thói quen dậy muộn.	Nỗ lực chỉ nhìn thấy được khi nó biến thành hành động lặp lại; kế hoạch thiếu cột người hỗ trợ thì thường bỏ dở ở tuần thứ hai.
3. Thu hút các bạn cùng phấn đấu	SGK trang 22, hoạt động 3 yêu cầu chia sẻ cách đã thu hút bạn về đạo đức lối sống, học tập, sức khoẻ; rồi xác định một số cách thu hút. Trang 25, hoạt động 8 đưa 3 trường hợp để thực hành.	Bốn cách sách nêu: chủ động gần gũi, tâm sự; khích lệ, động viên bạn phát huy khả năng và cố gắng hết sức; giúp bạn xác định mục tiêu và xây dựng kế hoạch tự hoàn thiện; khuyên bạn suy nghĩ tích cực và thay đổi vì tương lai của bản thân. Ba trường hợp là Lâm đi đua xe bị xử phạt hành chính, Hạnh nhút nhát không đặt mục tiêu, Khôi thông minh nhưng ham chơi điện tử.	Mỗi bạn mắc ở một chỗ khác nhau nên không có một cách rủ chung; và không ai thay đổi vì bị chê.
4. Quản lí cảm xúc và ứng xử hợp lí	SGK trang 22, hoạt động 4 yêu cầu chia sẻ cảm xúc trong các tình huống giao tiếp rồi xác định cách điều chỉnh cảm xúc và cách thể hiện cảm xúc, ứng xử phù hợp. Trang 25 và 26, hoạt động 9 đưa 4 tình huống để đề xuất cách xử lí.	Cách điều chỉnh cảm xúc sách gợi ý: hít thở sâu; thả lỏng cơ thể; đặt mình vào vị trí của người khác để hiểu. Bốn tình huống lần lượt là Hướng bị bắn nước bẩn, Sinh bị bố hiểu lầm khi tìm tài liệu cho dự án bảo vệ môi trường, Minh bị Dũng khiêu khích, Hằng bị Lan nói chắc do may mắn thôi.	Việc đầu tiên là hạ nhiệt cho cơ thể rồi mới nghĩ lại được cho người kia; nói được cảm xúc của mình mà không quy lỗi thì giữ được cả việc lẫn quan hệ.

Nội dung	Ý chính (SGK nói gì?)	Ví dụ / tình huống	Rút ra điều gì?
5. Kế hoạch tài chính cá nhân	SGK trang 23, hoạt động 5 yêu cầu chia sẻ thuận lợi, khó khăn khi thực hiện kế hoạch tài chính rồi xác định cách thực hiện hợp lí. Trang 26, hoạt động 10 yêu cầu xác định cản trở và đề xuất cách thực hiện kế hoạch tài chính hợp lí.	Cách thực hiện hợp lí sách nêu: tuân thủ các mức chi tiêu đã đề ra gồm số tiền hiện có, số tiền cần tiết kiệm, số tiền cần chi tiêu, cách cải thiện chi tiêu; ghi chép các khoản thu và chi; điều chỉnh khoản chi không thiết yếu hoặc tạo khoản thu nhập khác. Cản trở ví dụ: thói quen không kiểm soát chi tiêu, không có nguồn thu. Cách khắc phục: theo dõi thu chi thường xuyên; ghi chép mỗi ngày rồi rà soát; chỉ chi khoản cần thiết, dùng chung với anh chị em; không bị cuốn theo khuyến mãi; tìm cách tăng thu nhập như làm thêm, thanh lí đồ cũ.	Cản trở lớn nhất thường không phải thiếu tiền mà là không nhìn thấy tiền đã đi đâu; một quyển sổ nhỏ giải quyết được phần lớn chuyện đó.

2. Ghi chú cho phần Năng lực số – AI ở Phụ lục 1

Tình huống 1 – rủi ro đạo đức là điểm số không còn phản ánh năng lực thật của người nộp bài, và những bạn tự làm thì bị thiệt. Rủi ro về nội quy là vi phạm quy định về trung thực trong học tập và kiểm tra, đánh giá. Người chịu hậu quả cuối cùng chính là học sinh ấy, vì phần năng lực chưa hình thành sẽ lộ ra ở bài kiểm tra sau.

Tình huống 2 – phần mềm không biết học sinh có bao nhiêu tiền, ở vùng nào, giá cả ra sao, nên tỉ lệ nó đưa ra chỉ là mức trung bình học được từ rất nhiều bài viết trên mạng. Làm theo mà thiếu tiền thì không ai chịu trách nhiệm thay. Cách phòng là tự cộng lại bằng số của mình rồi mới quyết định.

Tình huống 3 – chuyện gia đình và thời gian biểu là dữ liệu cá nhân. Khi đã gõ vào một dịch vụ trên mạng thì học sinh không còn kiểm soát được nó nằm ở đâu và ai đọc được. Đây là cái mất không lấy lại được, khác hai tình huống trên. Cách phòng duy nhất là không kể ra ngay từ đầu.

Ba nhóm rủi ro – lệ thuộc thì phòng bằng cách tự làm trước rồi mới đối chiếu; số liệu sai thì phòng bằng cách kiểm lại bằng phép tính của mình hoặc bằng một nguồn chính thức; lộ dữ liệu thì phòng bằng cách không nhập tên thật, địa chỉ, số điện thoại và chuyện riêng của gia đình.

Phiếu tự đánh giá phần này (dùng hai mức):

– Chỉ ra được cả rủi ro đạo đức và rủi ro pháp lí cho từng tình huống: Đạt hoặc Chưa đạt.

– Xếp đúng rủi ro vào ba nhóm lệ thuộc, số liệu sai, lộ dữ liệu: Đạt hoặc Chưa đạt.

– Dẫn được một điều trong nội quy nhà trường cho ít nhất hai nhóm rủi ro: Đạt hoặc Chưa đạt.

– Đề xuất được cách dùng an toàn viết thành câu kiểm tra được: Đạt hoặc Chưa đạt.

3. Lỗi thường gặp và gợi mở

Lỗi 1 – học sinh ghi quy định chưa tuân thủ theo kiểu còn hay quên, không nêu được lúc nào và mấy lần. Gợi mở: hỏi tuần vừa rồi em quên mấy lần và quên vào buổi nào trong ngày.

Lỗi 2 – biện pháp tuân thủ kỉ luật dừng ở mức sẽ cố gắng hơn. Gợi mở: yêu cầu gắn biện pháp vào một mốc trong ngày, ví dụ tối trước khi đi ngủ soạn sẵn đồ cho hôm sau.

Lỗi 3 – kế hoạch tự hoàn thiện đặt mục tiêu quá lớn hoặc bỏ trống cột điều kiện, người hỗ trợ. Gợi mở: hỏi trong một tháng em làm được đến đâu của mục tiêu này, và ai sẽ nhắc em vào lúc em định bỏ cuộc.

Lỗi 4 – trong bốn tình huống quản lí cảm xúc, học sinh chọn cách đáp trả ngay cho hả giận, nhất là ở tình huống Dũng khiêu khích Minh. Gợi mở: hỏi sau câu đáp trả ấy thì chuyện dừng lại hay còn to hơn, và ai được lợi khi Minh mất bình tĩnh.

Lỗi 5 – học sinh xếp mọi khoản chi của mình vào nhóm thiết yếu nên không cắt được khoản nào. Gợi mở: hỏi nếu tuần sau không có khoản này thì em thiếu mất điều gì, và yêu cầu xếp theo thứ tự từ cần nhất tới ít cần nhất rồi cắt hai khoản cuối.

Lỗi 6 – học sinh cho rằng nhờ máy viết rồi có sửa lại vài chỗ thì vẫn là bài của mình. Gợi mở: hỏi phần nào trong bài là suy nghĩ của em, và nếu thầy cô yêu cầu giải thích một câu bất kì trong bài thì em có giải thích được không.

Lỗi 7 – học sinh nhầm rủi ro lộ dữ liệu với rủi ro số liệu sai, coi cả hai đều là chuyện máy trả lời không đúng. Gợi mở: chỉ ra khác biệt về thời điểm — số liệu sai thì phát hiện được ngay khi cộng lại, còn dữ liệu đã lộ thì không có cách nào thu về.

4. Bảng tiêu chí đánh giá

Tiêu chí	Đạt tốt	Đạt	Chưa đạt
Kiến thức, quy trình	Đúng và đủ ý; giải thích hoặc thao tác có dẫn chứng.	Đúng các ý hoặc bước chính.	Sai hoặc thiếu ý, bước cốt lõi.
Sản phẩm và dữ liệu	Rõ ràng, kiểm tra lại được nguồn; có nêu giới hạn và sai số.	Có sản phẩm và dẫn chứng cơ bản.	Chung chung, thiếu dẫn chứng hoặc đơn vị.
Năng lực số và AI (Phụ lục 3)	Đủ dữ liệu – chức năng – kết quả – người kiểm chứng.	Nêu đúng ứng dụng và bước kiểm tra.	Nhầm thiết bị thông thường là trí tuệ nhân tạo, hoặc tin tuyệt đối vào kết quả của máy.
Hợp tác, an toàn	Đúng vai, đúng giờ; trung thực và an toàn.	Hoàn thành nhiệm vụ cơ bản.	Thiếu phối hợp hoặc vi phạm an toàn.